

KC-53

Đổi mới cơ chế tài chính: đòn bẩy trong đổi mới hoạt động khoa học và công nghệ

ThS. Trần Thị Huỳnh Hương
Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính

Đối với chiến lược phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) của mỗi quốc gia, cơ chế tài chính là một trong những yếu tố then chốt, quyết định sự thành bại của chiến lược. Bởi vì, cơ chế tài chính có vai trò quyết định việc đầu tư cho các hoạt động KH&CN. Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước đã có những chủ trương, chính sách cụ thể để phát triển khoa học và công nghệ.

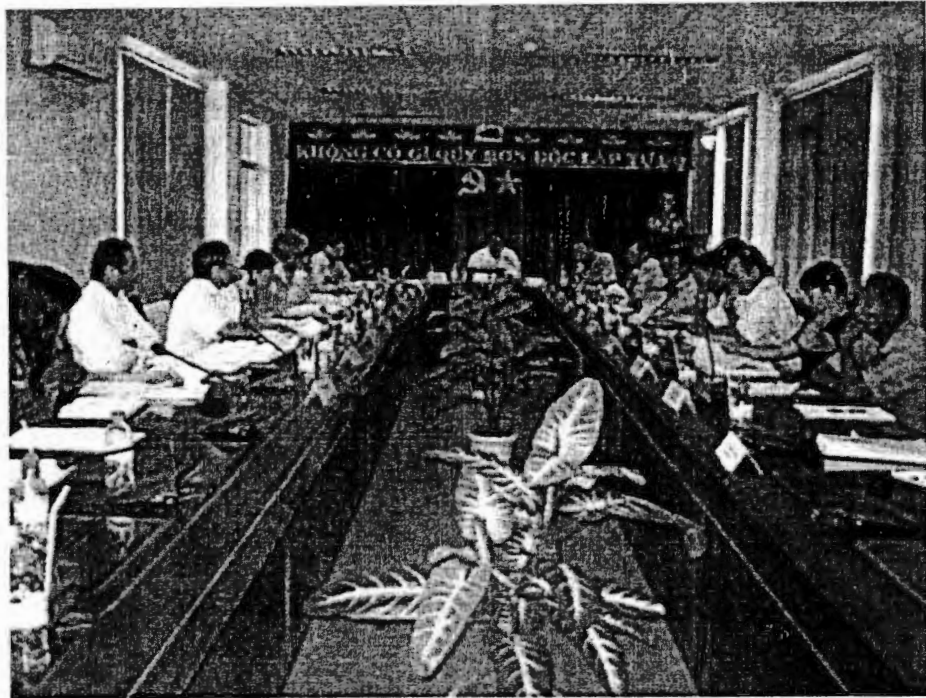
Đổi mới trong thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ

Đổi mới cơ chế tài chính khoa học và công nghệ (KH&CN) được tỉnh Đồng Nai thực hiện từ những năm 2006. Đến năm 2012, Tỉnh ủy Đồng Nai đã ban hành Kế hoạch số 155/KH-TU ngày 11/11/2013 thực hiện Nghị quyết số 20 của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp Hành Trung ương Đảng (khóa XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã thực sự tạo nên sự chuyển biến căn bản và toàn diện về nhận thức và hành động cho quá trình thực hiện các nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ Đồng Nai.

Kế hoạch số 155/KH-TU, ngày 11/11/2013 của Tỉnh ủy Đồng Nai đã xác định mục đích, yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ như sau: Tạo sự thống nhất của các cấp ủy và cả hệ thống chính trị trong việc quán triệt và triển khai cụ thể hóa những quan điểm, nội dung nhiệm vụ theo Nghị quyết số 20/NQ-TW của Ban Chấp Hành Trung ương Đảng lần thứ 6 (khóa XI); Quán triệt và tổ chức thực hiện nghị quyết số 20/NQ/TW là một nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy Đảng. Nâng cao nhận thức của các cấp ủy về vai trò phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ tổ quốc. Đặt ra cho các nhà quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ là làm sao đạt được kết quả hoạt động khoa học và công nghệ cao nhất, trong điều kiện nguồn lực có hạn và quản lý sử dụng nguồn ngân sách như thế nào để đem lại nhiều hiệu quả và lợi ích nhất cho hoạt động khoa học và công nghệ phục vụ cộng đồng;...

Chính vì vậy, việc thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đã đưa hoạt động khoa học và công nghệ Đồng Nai không chỉ xóa bỏ cơ chế xin - cho mà còn huy động được nguồn lực các ngành, các cấp, các nguồn kinh phí ngoài ngân sách; thu hút nguồn nhân lực khoa học công nghệ ngoài tỉnh; thiết lập tốt cơ chế liên kết giữa nhà khoa học, cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp, người nông dân và có nhiều hoạt động tạo hiệu ứng xã hội để đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ theo chiều sâu và chiều rộng góp phần phát huy hiệu quả các chương trình KH&CN và góp phần phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, địa phương.

Cho đến nay nhiệm vụ KH&CN ở Đồng Nai đã được đổi mới hoàn toàn theo hướng xóa bỏ cơ chế xin - cho, huy động nguồn lực của các ngành, các cấp; thu hút nguồn nhân lực KH&CN ngoài tỉnh; thiết lập tốt cơ chế liên kết giữa 4 nhà (nhà khoa học - nhà quản lý - nhà doanh nghiệp - nhà nông) và có nhiều hoạt động tạo hiệu ứng xã hội để đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ theo chiều sâu và chiều rộng, góp phần phát huy hiệu quả thực thi các chương trình KH&CN của tỉnh.



Hội đồng KH xét duyệt danh mục đề tài, dự án

Việc áp dụng cơ chế tài chính 50%-50% và 70%-30% trong việc triển khai đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, cụ thể:

Đối với đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp tỉnh thì sử dụng 100% kinh phí sự nghiệp khoa học của Sở Khoa học và Công nghệ.

Đối với đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp cơ sở (cấp huyện, cấp ngành) thì sử dụng 50% kinh phí ngân sách địa phương, 50% ngân sách Sở KH&CN và đề tài, dự án cấp ngành thì sử dụng 30% kinh phí của ngành và 70% kinh phí của Sở KH&CN.

Hiệu quả của việc áp dụng cơ chế tài chính này đã góp phần minh bạch, công khai tài chính trong thực hiện đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở. Số lượng đặt hàng thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở ngày càng nhiều qua từng giai đoạn, từng năm, nhất là đối với các đề tài, dự án cấp cơ sở. Các đề tài, dự án cấp cơ sở đã tạo ra được nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp tiên tiến cho các loại cây trồng chủ lực và có lợi thế so sánh, có giá trị kinh tế, góp phần chuyển dịch mạnh về cơ cấu sản xuất theo hướng kinh tế hàng hóa gắn với thị trường, tăng thu nhập cho người nông dân và thực hiện phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn bền vững (xem biểu số liệu sau).

Đề tài, dự án cấp tỉnh:

NĂM	TỔNG SỐ ĐỀ TÀI/ DỰ ÁN	Chia theo lĩnh vực nghiên cứu					
		Nông nghiệp	Công nghệ thông tin	Công nghiệp, Công nghệ	Kinh tế, KHXH và Nhân văn	Giáo dục- Đào tạo và Y tế	Tài nguyên và Môi trường
TỔNG	316	113	10	54	96	14	29
Giai đoạn 1996-2000	43	13	0	7	17	0	6
1996	5	1	0	1	2	0	1
1997	11	4	0	2	5	0	0
1998	11	5	0	2	4	0	0
1999	9	1	0	1	3	0	4
2000	7	2	0	1	3	0	1
Giai đoạn 2001-2005	86	25	0	18	33	0	10
2001	6	2	0	2	2	0	0
2002	16	6	0	0	9	0	1
2003	20	8	0	4	4	0	4
2004	25	4	0	10	8	0	3
2005	19	5	0	2	10	0	2
Giai đoạn 2006-2010	91	29	4	19	28	10	1
2006	18	6	0	5	7	0	0
2007	14	5	0	3	6	0	0
2008	18	6	0	4	7	0	1
2009	26	6	4	6	5	5	0
2010	15	6	0	1	3	5	0
Giai đoạn 2011-2016	96	46	6	10	18	4	12
2011	15	12	0	1	2	0	0
2012	19	06	2	5	1	3	2
2013	29	14	0	1	10	1	3
2014	15	9	0	0	3	0	3
2015	12	3	1	2	2	0	4
2016	06	2	3	1	0	0	0

Đề tài, dự án cấp cơ sở:

NĂM	TỔNG SỐ ĐỀ TÀI/ DỰ ÁN	Chia theo lĩnh vực nghiên cứu					
		Nông nghiệp	Công nghệ thông tin	Công nghiệp, Công nghệ	Kinh tế, KHXH và Nhân văn	Giáo dục- Đào tạo và Y tế	Tài nguyên và Môi trường
TỔNG	161	26	40	0	30	61	4
Giai đoạn 2006-2010	27	5	3	0	7	11	1
2006	1	1	0	0	0	0	0
2007	1	1	0	0	0	0	0
2008	0	0	0	0	0	0	0
2009	13	2	0	0	0	11	0
2010	12	1	3	0	7	0	1
Giai đoạn 2011-2016	134	21	37	0	23	50	3
2011	25	1	4	0	6	13	1
2012	29	0	13	0	3	13	0
2013	28	5	6	0	4	13	0
2014	17	2	1	0	5	9	0

2015	15	7	0	0	5	1	2
2016	20	6	13	0	0	1	0

Qua đó, kết quả nghiên cứu luôn gắn liền với thực tế sản xuất và đời sống, góp phần nâng cao hiệu quả ứng dụng kết quả nghiên cứu trong thực tiễn. Cơ chế này đã có tác động mạnh đến việc khuyến khích các huyện, các ngành chủ động trong việc soát xét tính khả thi của từng đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng vì kinh phí KH&CN của tỉnh hỗ trợ cho huyện bao nhiêu là do Chủ tịch UBND huyện quyết định, không phải do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định. Bên cạnh đó, việc áp dụng cơ chế này ngoài việc sử dụng ngân sách nhà nước cho KH&CN còn huy động được các nguồn lực xã hội đầu tư cho KH&CN (của doanh nghiệp, cá nhân tham gia đề tài và người nông dân). Cụ thể, giai đoạn 2011-2016, vốn ngoài ngân sách tỉnh đầu tư cho đề tài, dự án cấp Bộ là 7.742/11.176 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 69,27%; đầu tư cho đề tài, dự án cấp tỉnh là 1.412,852/5.475,798 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 25,80%; đầu tư cho đề tài, dự án cấp cơ sở (Huyện và ngành) là 63.903,667 /123.724,153 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 51,65% (Trong đó: Vốn của đơn vị chủ trì thực hiện đóng góp: 48.757,565 /123.724,153 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 39,41%; vốn của dân tham gia đề tài, dự án đóng góp 15.146,103/ 123.724,153 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 12,24%).



Các đề tài, dự án đã tạo ra được nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp tiên tiến cho các loại cây trồng chủ lực và có lợi thế so sánh

Đổi mới trong phát triển tiềm lực

Việc triển khai xây dựng Trung tâm Ứng dụng Công nghệ sinh học tỉnh Đồng Nai với diện tích ban đầu 208 ha, đây là mô hình ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học phát triển dựa trên sự kế thừa, tiếp thu có chọn lọc kết quả nghiên cứu của các Viện, Trường và Trung tâm nghiên cứu trong và ngoài nước để xây dựng các mô hình thực nghiệm phát triển sản xuất trên cơ sở công nghệ cao có khả năng nhân rộng chuyên giao kết quả nghiên cứu đến doanh nghiệp và nông dân. Đồng thời tạo một không gian rộng mở và môi trường thuận lợi cho các

nhà khoa học, tổ chức thực nghiệm kết quả nghiên cứu ở phòng thí nghiệm và các nhà sản xuất công nghiệp công nghệ sinh học đầu tư phát triển nhằm đưa sản xuất nông nghiệp của Đồng Nai từng bước phát triển theo chiều sâu, năng suất, chất lượng sản phẩm ngày càng được nâng lên. Mô hình này đã khuyến khích doanh nghiệp đầu tư R&D vào Trung tâm Ứng dụng Công nghệ sinh học Đồng Nai, nguồn vốn huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức KH&CN giai đoạn 2011-2015 đầu tư phát triển tiềm KH&CN và hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN là 249 tỷ.

Trên lĩnh vực đo lường, Trung tâm Đo kiểm được xây dựng tại huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai được ưu tiên đầu tư hệ thống trang thiết bị hiện đại đồng bộ với 7 lĩnh vực đo lường, 10 lĩnh vực về thử nghiệm, 21 phạm vi kiểm định được công nhận đã giúp cho hoạt động của Trung tâm đáp ứng các yêu cầu trong sản xuất, phân phối lưu thông, phục vụ công tác quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh và mở rộng cả vùng Nam Bộ. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ của Trung tâm hằng năm đều đạt trên 10 tỷ đồng.

Đổi mới trong đào tạo và thu hút nguồn nhân lực

Xác định nhân lực là nhân tố quan trọng trong phát triển khoa học và công nghệ nên từ rất sớm Đồng Nai đã quan tâm đến công tác đào tạo nguồn nhân lực. Đặc biệt từ khi có Nghị quyết ban hành đề án phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương triển khai chương trình đào tạo sau đại học (còn gọi là chương trình 2) với cơ chế tài chính là học viên được nhà nước cho vay tiền để tham gia học tập và việc trả nợ vay này ghi nhận bằng quá trình tham gia cống hiến cho nhà nước trong một thời gian nhất định. Từ cơ chế này đã để cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh nhà. Kết quả, giai đoạn 2006-2015 có 2015 người tham gia chương trình thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục - đào tạo chiếm tỷ lệ cao nhất trong các ngành (26,9%), tiếp theo là các ngành khoa học tự nhiên (18,6%), khoa học y dược (15,5%), và khoa học kỹ thuật (12,6%). Như vậy, so với mục tiêu đào tạo là ưu tiên đào tạo cho lĩnh vực về giáo dục đào tạo, y tế, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật, là những lĩnh vực quan trọng trong cơ cấu nhân lực khoa học và công nghệ, mà tỉnh có nhu cầu. Chương trình đã đi đúng hướng, đúng mục tiêu đã đặt ra. Đội ngũ lao động chất lượng cao được đào tạo đang phát huy tác dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau cho địa phương.

Đổi mới trong giao quyền tự chủ cho các tổ chức KH&CN công lập

Giai đoạn 2011-2016, cơ chế tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập áp dụng Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 5/9/2005 và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Nghị định 115/2005/NĐ-CP đã tháo gỡ những vướng mắc, ràng buộc, kìm hãm về cơ chế, chính sách, tổ chức, quản lý đối với các đơn vị KH&CN trước đó, đổi mới và giao quyền tự chủ mạnh mẽ cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập (nhất là quyền tự chủ cao về tổ chức, biên chế, tài chính và cả quyền sản xuất kinh doanh như doanh nghiệp cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

đổi mới phương thức cấp kinh phí của Nhà nước cho hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng cấp theo nhiệm vụ, không bao cấp theo số lượng biên chế...),

Đồng thời, đã yêu cầu các đơn vị sự nghiệp KH&CN phải chuyển đổi hình thức hoạt động sang một trong hai hình thức là tổ chức KH&CN tự trang trải kinh phí hoặc doanh nghiệp KH&CN. Quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đã góp phần thay đổi cơ bản phương thức hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập trực thuộc Sở, các đơn vị đã tạo ra nhiều sản phẩm mang tính ứng dụng, gắn với tổ chức sử dụng kết quả KH&CN, gắn với thị trường...



Ký kết đào tạo nhân lực và hợp tác nghiên cứu với trường Đại học kinh tế TP.HCM

Khi nghị định 54/2016/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thay thế Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Điều 1 Nghị định số 96/2010/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP. Theo đó, quy định rõ nguồn tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên gồm nguồn thu từ hoạt động khoa học và công nghệ, sản xuất, kinh doanh, liên doanh, liên kết và nguồn thu hợp pháp khác; nguồn thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí được để lại để chi hoạt động thường xuyên và chi mua sắm, sửa chữa lớn trang thiết bị, tài sản phục vụ công tác thu phí; nguồn thu từ ngân sách nhà nước (NSNN) nếu được cơ quan có thẩm quyền giao để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, dịch vụ sự nghiệp công; nguồn thu từ NSNN để thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên nếu được cơ quan có thẩm quyền giao; nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định hiện hành.

Trong khi đó, nguồn tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và tổ chức khoa học và công nghệ công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên gồm: nguồn thu từ NSNN để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, dịch vụ sự nghiệp công; nguồn thu từ NSNN để thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên; nguồn thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí được để lại để chi hoạt động thường xuyên và chi mua sắm, sửa chữa lớn trang thiết bị, tài sản

phục vụ công tác thu phí; nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định hiện hành; nguồn thu từ hoạt động khoa học và công nghệ, hoạt động sản xuất, kinh doanh, liên doanh, liên kết và nguồn thu khác theo quy định hiện hành.

Về chính sách ưu đãi đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập, Nghị định 54/2016/NĐ-CP quy định rõ tổ chức khoa học và công nghệ công lập được hưởng chính sách ưu đãi về thuế theo quy định hiện hành. Cụ thể, tổ chức khoa học và công nghệ công lập được vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp thì được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, cụ thể được áp dụng thuế suất 10% trong thời gian mười lăm năm, được miễn thuế tối đa không quá bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá chín năm tiếp theo. Ngoài ra, tổ chức khoa học và công nghệ công lập còn được hưởng chính sách ưu đãi về tín dụng và các ưu đãi khác theo quy định hiện hành.



Cần sự quan tâm hơn nữa trong phát triển khoa học công nghệ

Thực hiện đổi mới quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo hướng tập trung các đề tài, dự án ứng dụng và xét chọn chặt chẽ qua kết quả tư vấn khách quan của Hội đồng khoa học công nghệ ngay từ khâu xác định danh mục, xét duyệt tuyển chọn danh mục đến khâu tổng kết đánh giá-nghiệm thu và chuyển giao ứng dụng kết quả nghiên cứu.

Thực hiện đổi mới quy trình lựa chọn đề tài/dự án khoa học công nghệ. Hàng năm vào quý I, Sở Khoa học và Công nghệ đã mời các sở/ban/ngành, các viện nghiên cứu, trường đại học, các nhà khoa học về huyện để tổ chức 11 hội thảo KH&CN tại 11 huyện trong tỉnh nhằm xác định nhu cầu, nhiệm vụ KH&CN

và các giải pháp hỗ trợ cho các ngành, địa phương. Những hội thảo hàng năm này giúp các viện nghiên cứu, trường đại học, các nhà khoa học nắm rõ nhu cầu của ngành, địa phương, ngược lại các ngành, địa phương cũng nắm rõ được thành quả và năng lực nghiên cứu của các viện nghiên cứu, trường đại học, các nhà khoa học. Trên cơ sở kết nối cung - cầu trên, các viện nghiên cứu, trường đại học, các nhà khoa học giúp các ngành, địa phương xây dựng phiếu đề xuất nhiệm vụ KH&CN phù hợp với tình hình thực tế của từng nơi. Ngoài việc tổ chức Hội thảo ở 11 địa phương, lãnh đạo Sở KH&CN tham gia vào Hội đồng KH&CN của các ngành với tư cách là Ủy viên Hội đồng để giúp các ngành sơ tuyển nhiệm vụ khoa học của ngành trước khi đưa vào quy trình xét duyệt của Tỉnh.

Nhận thức của cấp ủy và chính quyền các ngành, các cấp về vai trò quan trọng của khoa học và công nghệ trong việc hoạch định, quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội, trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, địa phương đã từng bước được nâng lên. Các ngành, các cấp của tỉnh cũng đã xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện các chương trình, nhiệm vụ phát triển KH&CN. Đến nay, hầu hết các Sở, ngành và các cấp đều đã có các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Đối với các ngành, Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở quản lý ngành, cụ thể là đề tài, dự án khoa học công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp sẽ do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ tịch Hội đồng. Đề tài được ít nhất 2/3 thành viên hội đồng bỏ phiếu đồng ý thì mới đưa vào danh mục xây dựng thuyết minh chi tiết.

Đối với các huyện thì các đề tài, dự án khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương sẽ do Chủ tịch UBND các huyện quyết định danh mục đề tài, dự án triển khai./.